Người ký: Sở Giáo dục và Đào tạo
Email: sogiaoducdaotao@hoabinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hòa Bình
Thời gian ký: 19.08.2019 14:44:46 +07:00

UBND TỈNH HÒA BÌNH **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1779/SGD&ĐT-VP V/v báo cáo nhanh công tác chuẩn bị các điều kiện cho năm học 2019-2020.	*Hoà Bình, ngày 19 tháng 8 năm 2018*

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố;
- Các Trung tâm GDNN, Trung tâm GDNN-GDTX;
- Các đơn vị, trường học trực thuộc.

Chuẩn bị cho năm học mới 2019-2020, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; các đơn vị, trường học trực thuộc báo cáo công tác chuẩn bị cho năm học 2019-2020 theo các nội dung như sau:

1. Quy mô trường, lớp, học sinh năm học 2019 - 2020

Báo cáo số trường, lớp, học sinh chia ra từng cấp học *(so sánh tăng giảm so với năm học 2018-2019)*; số lượng trường đạt chuẩn Quốc gia theo từng cấp học *(tính đến thời điểm 15/8/2019);* số lượng trường sáp nhập trong năm học 2019-2020; số lượng, tỷ lệ trẻ mầm non 5 tuổi ra lớp và số lượng, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 *(Các biểu mẫu đính kèm).*

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo từng cấp học; số lượng giáo viên, nhân viên thừa, thiếu từng cấp học, từng bộ môn.

- Công tác tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên hè 2019.

- Công tác điều động, luân chuyển cán bộ quản lý, giáo viên.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Tổng số phòng học, phòng kiên cố, bán kiên cố, phòng tạm theo cấp học.

- Tổng số phòng học xây mới, sửa chữa chuẩn bị cho năm học 2019 - 2020.

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy và học.

- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho năm học mới, trong đó kinh phí từ nguồn xã hội hóa giáo dục.

4. Tình hình chuẩn bị Khai giảng và "Ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường" năm học 2019-2020

- Công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương.

- Công tác tuyên truyền cho năm học mới.

- Thực hiện "3 đủ" cho học sinh.

5. Đề xuất, kiến nghị

- Đề xuất, kiến nghị đối với UBND huyện, thành phố.

- Đề xuất, kiến nghị đối với Sở GD&ĐT.

- Đề xuất, kiến nghị đối với UBND tỉnh Hòa Bình.

* Thời gian gửi báo cáo về Văn phòng Sở chậm nhất ngày **26/8/2019** theo địa chỉ vuhuong@hoabinh.edu.vn

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố; các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện; các đơn vị, trường học trực thuộc thực hiện tốt các nội dung trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, các PGĐ Sở ;
- Website ngành ;
- Lưu: VT,VP (VH05).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÒA BÌNH

Đinh Thị Hường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH

QUY MÔ SỐ TRƯỜNG ĐẦU NĂM HỌC 2019-2020

Biểu 1a

TT	Phòng GD	TS trường	Công lập	Ngoài công lập	CHIA RA												Trường chuẩn Quốc gia (đến 15/8/2019)				
					Mầm non		Tiểu học		THCS		TH&THCS		PTCS	Bán trú							
					Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập		*Tiểu học*	*THCS*	*TH&THCS*	*Mầm non*	*Tiểu học*	*THCS*	*TH&THCS*	*Loại khác*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
1	Kỳ Sơn	0	0	0																	
2	Lương Sơn	0	0	0																	
3	Thành phố	0	0	0																	
4	Cao Phong	0	0	0																	
5	Đà Bắc	0	0	0																	
6	Tân Lạc	0	0	0																	
7	Lạc Sơn	0	0	0																	
8	Mai Châu	0	0	0																	
9	Lạc Thủy	0	0	0																	
10	Yên Thủy	0	0	0																	
11	Kim Bôi	0	0	0																	
	Tổng	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Người lập biểu **Trưởng phòng**

Lưu ý: Cột 3 = cột 4 + cột 5

Cột 4 = cột 6 + cột 8 + cột 10 + cột 12 + cột 14 + cột 15 + cột 16 + cột 17

Cột 5 = cột 7 + cột 9 + cột 11+ cột 13

* Các đơn vị không thay đổi bảng biểu, thay đổi công thức mạc định

* Trường TH&THCS đạt chuẩn QG là trường đảm bảo cả 2 cấp học (TH, THCS) đều đạt

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH

Biểu 1b

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN.....

DANH SÁCH TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA ĐẦU NĂM HỌC 2019-2020 (TÍNH ĐẾN 15/8/2019)

TT	Tên trường	Chia ra theo cấp học đạt chuẩn Quốc gia									
		Mầm non	*Năm công nhận*	*Tiểu học*	*Năm công nhận*	*THCS*	*Năm công nhận*	*TH&THCS*	*Năm công nhận*	*Loại trường khác*	*Năm công nhận*
1	*2*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
11											
	Tổng										

Người lập biểu **Trưởng phòng**

Lưu ý:

* Trường TH&THCS đạt chuẩn QG là trường đảm bảo cả 2 cấp học (TH, THCS) đều đạt chuẩn QG

* Trường TH&THCS mới đạt chuẩn QG của cấp học nào thì điền vào cấp học đó.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH

QUY MÔ SỐ LỚP ĐẦU NĂM HỌC 2019-2020

Biểu 2

TT	Đơn vị	TS Lớp	Công lập	Ngoài công lập	CHIA RA											
					Mầm non		Tiểu học		THCS		TH&THCS		PTCS	Bán trú		
					Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập		*Tiểu học*	*THCS*	*TH&THCS*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Kỳ Sơn	*0*	*0*	*0*												
2	Lương Sơn	*0*	*0*	*0*												
3	Thành phố	*0*	*0*	*0*												
4	Cao Phong	*0*	*0*	*0*												
5	Đà Bắc	*0*	*0*	*0*												
6	Tân Lạc	*0*	*0*	*0*												
7	Lạc Sơn	*0*	*0*	*0*												
8	Mai Châu	*0*	*0*	*0*												
9	Lạc Thủy	*0*	*0*	*0*												
10	Yên Thủy	*0*	*0*	*0*												
11	Kim Bôi	*0*	*0*	*0*												
	Tổng 1	0	*0*	*0*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập biểu **Trưởng phòng**

Lưu ý: Cột 3 = cột 4 + cột 5

Cột 4 = cột 6 + cột 8 + cột 10 + cột 12 + cột 14 + cột 15 + cột 16 + cột 17

Cột 5 = cột 7 + cột 9 + cột 11+ cột 13

Các đơn vị không thay đổi bảng biểu, thay đổi công thức mạc định

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

SỐ LƯỢNG TRƯỜNG SÁP NHẬP NĂM HỌC 2019-2020

Biểu 3

TT	Phòng GD&ĐT	TS trường trước sáp nhập	TS trường sau sáp nhập	SL trường giảm sau sáp nhập	Trong đó								
					Mầm non		Tiểu học		THCS		TH&THCS		
					Trước	Sau	Trước	Sau	Trước	Sau	Trước	Sau	Ghi chú
1	Kỳ Sơn	**0**	0	**0**									
2	Lương Sơn	**0**	0	**0**									
3	Thành phố	**0**	0	**0**									
4	Cao Phong	**0**	0	**0**									
5	Đà Bắc	**0**	0	**0**									
6	Tân Lạc	**0**	0	**0**									
7	Lạc Sơn	**0**	0	**0**									
8	Mai Châu	**0**	0	**0**									
9	Lạc Thủy	**0**	0	**0**									
10	Yên Thủy	**0**	0	**0**									
11	Kim Bôi	**0**	0	**0**									
	Tổng	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	

Người lập biểu **Trưởng phòng**

Các đơn vị không thay đổi bảng biểu, thay đổi công thức mạc định

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HOA BÌNH
TRƯỜNG/ TRUNG TÂM.....

SỐ LƯỢNG TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA, SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH ĐẦU NĂM HỌC 2019-2020 -Biểu 4

	Trường/Trung tâm	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Trường chuẩn Quốc gia	Năm công nhận	Ghi chú
1	Hoàng Văn Thụ					
2	PTDTNT THPT tỉnh					
3	THPT Công Nghiệp					
4	THPT Lạc Long Quân					
5	THPT Ngô Quyền					
6	THPT Lương Sơn					
7	THPT Nguyễn Trãi					
8	THPT Nam Lương Sơn					
9	THPT Cù Chính Lan					
10	THPT Kỳ Sơn					
11	THPT Phú Cường					
12	THPT Cao Phong					
13	THPT Thạch Yên					
14	THPT Tân Lạc					
15	THPT Đoàn Kết					
16	THPT Mường Bi					
17	THPT Lũng Vân					
18	THPT Mai Châu					
19	THPT Mai Châu B					
20	THPT Cộng Hòa					
21	THPT Đại Đồng					
22	THPT Lạc Sơn					
23	THPT Quyết Thắng					
24	THPT Yên Thủy A					
25	THPT Yên Thủy B					
26	THPT Yên Thủy C					
27	THPT Kim Bôi					
28	THPT 19/5					
29	THPT Thanh Hà					
30	THPT Sào Báy					
31	THPT Bắc Sơn					
32	THPT Lạc Thủy A					
33	THPT Lạc Thủy B					

34	THPT Lạc Thủy C					
35	THPT Đà Bắc					
36	THPT Mường Chiềng					
37	THPT Yên Hòa					
	Tổng 1	**0**	**0**	**0**		
38	DTNT THCS&THPT Đà Bắc					
39	PTDTNT THCS&THPT Cao Phong					
40	PTDTNT THCS&THPT Tân Lạc					
41	PTDTNT THCS&THPT Lạc Sơn					
42	PTDTNT THCS&THPT Ngọc Sơn					
43	PTDTNT THCS&THPT Yên Thủy					
44	PTDTNT THCS&THPT Lạc Thủy					
45	PTDTNT THCS&THPT Mai Châu					
46	PTDTNT THCS&THPT Lương Sơn					
47	PTDTNT THCS&THPT Kim Bôi					
48	PTDTNT THCS B Đà Bắc					
49	PTDTNT THCS&THPT B Mai Châu					
	Tổng 2	**0**	**0**	**0**		
50	Trung tâm KTTH,HN - NN, TH					
51	Trung tâm GDTX tỉnh					
52	Trung tâm GDNN-GDTX Lương Sơn					
53	Trung tâm GDNN-GDTX Kỳ Sơn					
54	Trung tâm GDNN-GDTX Đà Bắc					
55	Trung tâm GDNN-GDTX Cao Phong					
56	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Lạc					
57	Trung tâm GDNN-GDTX Lạc Sơn					
58	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Thủy					
59	Trung tâm GDNN-GDTX Lạc Thủy					
60	Trung tâm GDNN-GDTX Kim Bôi					
61	Trung tâm GDNN-GDTX Mai Châu					
	Tổng 3	**0**	**0**	**0**		
62	Trường CĐSP Hòa Bình					
	Tổng chung	**0**	**0**	**0**		

Các đơn vị không thay đổi bảng biểu, thay đổi công thức mạc định

Trường đạt chuẩn Quốc gia điền số 1; chưa đạt chuẩn Quốc gia điền số 0